

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/DS-ST
Ngày 14/7/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Nhân

2. Bà Lý Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký TAND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST- DS, ngày 08 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn Đ**; sinh năm 1970

Và bà **Đỗ Thị Minh T**; sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ 10, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Chí H**; sinh năm 1969

Địa chỉ: Số nhà 102, tổ 7, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Đỗ Thị M Thu và ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Chí H nên ngày 08/6/2018 vợ chồng ông bà có cho ông H vay số tiền gốc 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), ông H là người trực tiếp viết giấy vay tiền cho ông bà và nhận tiền tại nhà ông bà. Khi vay tiền ông H hẹn trả tiền cho ông bà sau 01 tháng (ngày 08/7/2018) nên ông bà không tính tiền lãi của số tiền này trong thời hạn vay tiền 01 tháng trên. Quá thời hạn trả tiền của giấy vay tiền này, đến ngày 20/7/2018 hôm đó bà Thu không có nhà, ông H có đến hỏi vay tiếp của ông Đ số tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và hẹn trả cùng khoản tiền vay trước là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng);

tổng cả hai khoản vay là 120.900.000đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Khoản tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) hai bên thoả thuận về tiền lãi và thời hạn trả tiền; còn khoản tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) hai bên không thoả thuận về tiền lãi và thời hạn trả tiền. Sau khi ông Đ cho ông H vay khoản tiền ngày 20/7/2018, ông Đ đã nói lại cho bà T biết, khi ông H vay tiền có viết tiếp vào tờ giấy vay tiền trước đó. Từ ngày vay số tiền trên, ông H chưa trả cho ông bà được khoản tiền nào; quá thời hạn trả tiền của khoản tiền vay lần thứ nhất và sau 01 tháng từ khi vay khoản tiền lần thứ hai ông bà đã liên hệ với ông H đòi tiền nhưng ông H khất nhiều lần mà không trả tiền cho vợ chồng ông bà nên ông bà làm đơn khởi kiện ông H đến Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải thanh toán cho vợ chồng ông bà tổng số tiền gốc là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) từ ngày vi phạm thời hạn trả tiền là ngày 09/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng; còn khoản tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) ông bà không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:**

Ông xác định ông có vay tiền của bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Đ nhưng không hoàn toàn đúng như bà Thu ông Đ trình bày. Thật ra, ông vay tiền của ông Đ (chồng bà T), vay số tiền lúc là 5.000.000đồng, lúc là 10.000.000đồng với lãi là 400.000đồng/5.000.000đồng/tháng, tiền lãi cắt ngay khi vay và vay tiền nhiều lần, kéo dài cả năm. Những lần vay này có nhiều người biết. Việc vay tiền này không viết giấy tờ vì số tiền vay ít và đã trả lãi luôn. Còn về tờ giấy viết ngày 08/6/2018 thực chất đây là số tiền vay cộng dồn trong thời gian khoảng 1 năm trở về trước mà ông không trả được nên vợ chồng ông Đ bắt ông viết giấy vay. Khi ông viết giấy có cả ông Đ và bà T. Khi đó bà T, ông Đ và ông không ghi lãi suất nhưng thoả thuận miệng là 5.000đồng/1 triệu/1 ngày.

Đến ngày 20/7/2018, vì đã quá hạn 1 tháng ghi trong giấy vay ngày 08/6/2018 nên bà T có gọi ông lên để thanh toán. Vì không trả được tiền nợ như đã hẹn nên ông đã phải viết thêm số tiền vay thêm là 20.900.000đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) vào giấy vay ngày 08/6/2018. Đây thực chất là khoản tiền lãi của hơn 1 tháng chậm trả số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Giấy vay tiền ngày 08/6/2018 và dòng viết thêm ngày 20/7/2018 là do ông viết và ký. Sau đó, ông thấy tiền lãi thoả thuận ngoài là 5.000đồng/1 triệu/1 ngày là cao quá ông không trả được nên có thoả thuận giảm lãi. Ông bà Thu Đ nhất trí giảm lãi xuống còn 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Sau đó ông cũng trả được 3-4 lần tiền lãi, những lần trả tiền lãi này giữa ông và vợ chồng ông bà T-Đ không viết giấy tờ gì. Khoảng năm 2019, bà T nhiều lần đòi tiền lãi nhưng vì điều kiện khó khăn, ông không có khả năng trả lãi cho bà T nên bà T đã gửi đơn khởi kiện ra Tòa án.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà T và ông Đ, ông chỉ nhất trí trả cho vợ chồng ông bà T, Đ số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), còn về tiền lãi vì điều kiện khó khăn, hiện đang đi làm thuê mỗi tháng được 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) nên ông không thể trả lãi cho bà T, ông Đ được. Ông sẽ thu xếp trả số tiền

nợ gốc 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), cho bà T, ông Đ theo định kỳ hàng năm.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Chí H có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền gốc là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tính từ ngày 09/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2021) là 03 năm 05 ngày; mức lãi suất tính theo quy định của Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm; khoản tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Chí H chỉ nhất trí trả cho vợ chồng ông bà T, Đ tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), còn về khoản tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi bị đơn không nhất trí thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Chí H có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền gốc là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tính từ ngày 09/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2021) với mức lãi suất là 10%/năm; Khoản tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Nguyễn Chí H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/6/2018 và ngày 20/7/2018 ông Nguyễn Chí H có viết giấy vay tiền của bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Đ với số tiền cụ thể:

Lần 1: Ông H vay số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng); Lần 2: Ông H vay số tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Trong giấy vay tiền trên không thể hiện về lãi suất. Thời hạn trả tiền của lần vay tiền thứ nhất đến ngày 08/7/2018; lần vay tiền thứ hai không thể hiện về thời hạn trả tiền. Quá thời hạn trả tiền, ông Đ bà T đã đòi tiền ông H nhưng không được nên ông Đ, bà T gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án. Như vậy, việc ông Đ bà T khởi kiện đối với ông H là nằm trong thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo Điều 429 Bộ luật dân sự.

Theo nội dung tại giấy vay tiền thể hiện, giữa bà Đỗ Thị Minh T, ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Chí H đã thỏa thuận cho nhau vay tài sản là tiền và thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Như vậy, Giấy vay tiền này là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Do đó tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí H có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền gốc là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tính từ ngày 09/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2021) là 03 năm 05 ngày; mức lãi suất là 10%/năm;

Khoản tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) ông Đ, bà T không yêu cầu tính lãi suất.

HĐXX thấy, theo giấy vay tiền ghi ngày 08/6/2018 và ngày 20/7/2018, người viết giấy và ký nhận là ông Nguyễn Chí H. Ông H cũng đã trình bày ông là người viết giấy vay tiền của bà T ông Đ và ông xác định số tiền viết trong giấy vay tiền là đúng. Như vậy, các bên đều đã thừa nhận về việc có viết giấy vay tiền cho nhau và có đưa cho nhau tiền, đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án này vì các bên đã đều thừa nhận. Tuy nhiên, ông H cho rằng: Số tiền này là tiền vay nhiều lần trước đó, sau đó cộng dồn các khoản lãi và gốc vào thành một khoản, ông H cũng đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà T ông Đ với mức lãi suất cao nhưng là thỏa thuận bằng miệng, ông không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh. Hiện nay ông khó khăn về kinh tế không thể trả một lúc khoản tiền này và ông không đồng ý trả tiền lãi nữa nên ông Hoàn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ bà T.

HĐXX thấy, việc ông H viết giấy vay tiền của ông Đ bà T là tự nguyện và ông H thừa nhận có vay tiền của ông Đ và bà T, ông H là người không bị hạn chế về năng lực nhận thức và năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc về việc viết giấy vay tiền. Ông H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp; vì vậy HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của của ông Đ bà T về việc yêu cầu ông H thanh toán tổng số tiền gốc là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Về yêu cầu trả tiền lãi: Trong giấy vay tiền ghi ngày 08/6/2018 và ngày 20/7/2018 các bên không ghi lãi suất nhưng các bên đều thừa nhận cho nhau vay tiền có tính lãi suất; nguyên đơn cho rằng lãi suất tính theo mức 1%/tháng; bị đơn cho rằng lãi suất ban đầu là 5.000đồng/1 triệu/1 ngày, sau đó hai bên thoả thuận giảm lãi xuống còn 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, thì trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo quy định này, mức lãi suất sẽ là 10%/01 năm. Tại phiên toà ông Đ bà T yêu cầu ông H trả lãi đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể: Tính từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 09/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2021) là 03 năm 05 ngày x 10% x 100.000.000 đồng = 30.140.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất của số tiền 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trường hợp bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn (ông Nguyễn Chí H) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí của vụ án và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357; 429; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Chí H có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền gốc là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi 30.140.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng); tổng cộng tiền gốc và lãi là 151.040.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu bốn mươi nghìn đồng). Trong đó:

Ông Nguyễn Chí H có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Minh T số tiền 75.520.000 đồng (Bảy mươi năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); gồm tiền gốc là 60.450.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 15.070.000 đồng (Mười năm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng);

Ông Nguyễn Chí H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 75.520.000 đồng (Bảy mươi năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); gồm tiền gốc là 60.450.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 15.070.000 đồng (Mười năm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Chí H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.552.000 đồng (Bảy triệu năm trăm năm hai nghìn đồng);

Bà Đỗ Thị Minh T, ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí. H trả lại cho bà T và ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.869.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000881 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang